

Có Thể Cùng Bước Qua Ngưỡng Cửa Hy Vọng Không?

❖ Nguyễn Văn Trung

Tuyển tập: *Đối Thoại với Giáo Hoàng Gioan Phao Lô II*- Giao Điểm Xuất Bản (1995), 368 trang.

Đức Giáo Hoàng Gioan Phao Lô Đệ II viết cuốn sách Dịch ra tiếng Việt mang tên *Bước Qua Ngưỡng Cửa Hy Vọng*. Có ba bản dịch, hai bản ở Việt Nam và một bản ở Hoa Kỳ. Tác phẩm bán chạy, nhưng gây phản ứng phê phán từ phía Phật Giáo ở Đông Nam Á. Ở Việt Nam có bài của cư sĩ Trần Tuấn Mẫn thuộc viện nghiên cứu Phật Học Việt Nam: *Hy Vọng của Chúng Ta* đăng trong báo “Giác Ngộ” cơ quan ngôn luận của Giáo Hội Phật Giáo VN số 103 (1-4-1995). Vì tờ báo là một cơ quan chính thức, nên tác giả dè dặt, hơn nữa còn bày tỏ một thái độ tích cực. Nhưng tạp chí *Giao Điểm* ở Hoa Kỳ xuất bản cuốn *Đối thoại với Giáo Hoàng Gioan Phao Lô II- Nhân Đọc cuốn “Bước Qua Ngưỡng Cửa Hy Vọng*, (in 3000 cuốn tháng 6-1995, 368 trang do nhiều người viết), đã phê phán đả kích nặng nề, không phải chê Giáo Hoàng, mà cả Công Giáo VN và thế giới, trong quá khứ và hiện đại. Nói cho đúng, không phải “Đối Thoại” mà là tố cáo, kết án. Cuốn sách kể trên được chụp lại bày bán ở trụ sở báo *Giác Ngộ* và chùa Vĩnh Nghiêm Sài Gòn. Ông Tố Am Nguyễn Toại, bạn tôi, mua được một cuốn ở chùa Vĩnh Nghiêm, đổi lấy cuốn in bên Hoa Kỳ mà tôi có do tạp chí *Giao Điểm* tặng tôi trong một bữa gặp gỡ trao đổi hồi tháng 7-1995 ở Los Angeles. Ông Nguyễn Toại so sánh hai bản, thấy những bài phần cuối bản phổ biến ở VN có rất nhiều chỗ bị xóa, đặc biệt những từ, câu đụng đến cộng sản, những trang tố cáo Công Giáo quá nặng nề cũng bị xóa bỏ, để trông như sách báo bị kiểm duyệt hồi trước 1975 ở Sài Gòn, phần phụ lục bỏ hết, nên sách chỉ còn 305 trang.

Ở Việt Nam, sách bày bán công khai, nhưng thực ra lén lút vì không phải xuất bản trong nước. Tôi không rõ cuốn *Đối Thoại* phổ biến ở VN bị xóa bỏ nhiều như vậy do các tác giả tạp chí *Giao Điểm* chủ động làm hay ai khác? Một điều rõ ràng, người đọc trong nước nếu không có cuốn xuất bản ở Hoa Kỳ, không thể có ý kiến phát biểu nghiêm chỉnh vì chỉ có trước mặt cuốn sách trong tình trạng què cụt. Hơn nữa, dù có nguyên bản, cũng không thể phát biểu thẳng thắn, thành thực một cách công khai. Còn chính Đức Giáo Hoàng chắc chắn không

đọc được những bài phê bình sách của mình. Tạp chí *Giao Điểm* cũng biết như vậy, nên tuy gọi là “Đối Thoại với Giáo Hoàng” thực ra chỉ gửi tới người Công Giáo trong nước và ngoài nước.

Tôi mong được nghe hay đọc những gì người Phật Giáo VN nghĩ về đạo Công Giáo Giáo Hội, đúng hay sai đều cần thiết. Nếu như Phật Tử trong nước và ở nước ngoài, vì lý do này hay lý do kia, dè dặt, tự chế, thì ở nước ngoài có những nhóm Phật Tử, hay những người mang danh Phật Giáo đã nói thẳng những gì họ nghĩ về Công Giáo. Đúng hay sai là chuyện khác. Vậy có thể coi cuốn “*Đối Thoại...*” của tạp chí *Giao Điểm* và nhiều cuốn khác xuất bản ở Hoa Kỳ, đáp ứng đòi hỏi trên của tôi. Nếu Phật Tử đã đạt tới thái độ phá chấp như một vị chân tu cao niên tôi gặp ở VN gần đây, sau khi nghe tôi trình bày Công Giáo, Phật Giáo qua một số sách báo xuất bản ở Hoa Kỳ, vẫn thanh thản trả lời, “thế à”, rồi nói sang chuyện khác như thể tâm không còn vọng động, thì trên phương diện nhân loại, những người muốn cải thiện quan hệ Công Giáo- Phật Giáo tại VN không biết dựa vào đâu để giải tỏa các ngộ nhận, thiên kiến. Vì thế những Phật Tử còn biết tức giận và bộc lộ những bức bối của mình cách này hay cách khác mới giúp cho việc giải tỏa ngộ nhận, thiên kiến.

Tuy nhiên, tôi không muốn sách báo đả kích Công Giáo, bị những thiên kiến, ngộ nhận, đổ kỵ Công Giáo chi phối nặng nề xuất bản ở nước ngoài được phổ biến công khai mà lén lút ở VN. Ở Hoa Kỳ, ít có nơi nào người VN sống với nhau như láng giềng. Nhà này đến nhà kia đôi khi mất cả tiếng đồng hồ. Trái lại ở VN, người Công Giáo, Phật Giáo sống bên nhau như bà con lối xóm, nói chung hòa thuận với nhau. Do đó nếu bây giờ khêu lại chuyện cũ chỉ để đả kích mạt sát, không khỏi làm cho tình thế căng thẳng, củng cố thêm những thiên kiến, ngộ nhận. Có lẽ chỉ có hậu quả tạo ra hay khêu gợi lại tâm tư đổ kỵ thế thôi, không đưa đến những vụ xô xát đâm máu hồi 69-70... vì đồng bào và lãnh đạo tinh thần của cả hai bên đều biết rõ những ai đã xúi dục và bây giờ

không dễ bị mắc mưu đâu. Một ít năm nữa, những thế hệ mới lớn lên có lẽ không còn đặt ra vấn đề Công Giáo, Phật Giáo như cha anh họ, cho nên nếu những người lớn tuổi, đang đi về chiều cuộc đời, muốn nhìn lại quá khứ để rút ra bài học cho con cháu, thiết tưởng chỉ nên làm việc đó một cách thật nghiêm chỉnh giữa những người chuyên môn.

Tôi nêu một vài nhận xét về cuốn sách của Đức Giáo Hoàng, đoạn nói đến Phật Giáo trong tinh thần kể trên, dựa vào những phản nản, không hài lòng của một số bạn bè Phật Giáo tôi gặp lại ở VN, nhiều người không đồng tình với lập luận thái độ phê phán, đả kích Công Giáo qua một số sách báo xuất bản ở Hoa Kỳ và những phản nản, không hài lòng của một số trí thức Công Giáo, trong đó có tôi.

1. NÓI KHÔNG PHẢI LÚC ĐÚNG CHỖ.

Đức Giáo Hoàng có thể viết một bài như vậy về Phật Giáo để cảnh giác những người Công Giáo thận trọng đề đặt muốn đưa vào lối hiểu đạo, sống đạo, đặc biệt dưới hình thức chiêm niệm, tu trì theo Phật Giáo với điều kiện nói trong nội bộ Công Giáo mà thôi. Đức Giáo Hoàng có quyền và bổn phận làm việc đó, nếu Đức Giáo Hoàng thấy cần làm như vậy thường làm. Nhưng xét theo thực tế, trong khuôn khổ nội bộ Giáo Hội Công Giáo, nếu tôi không nhầm, hiện nay không thấy cả nỗ lực thí nghiệm, thích nghi nào hoặc một xu hướng nghiên cứu nào, xuất phát từ Công Giáo (giáo dân hay giáo sĩ, tu sĩ) ở Tây phương hay ở các nước có đông người theo đạo Phật đang đi vào những lựa chọn mà Đức Giáo Hoàng thấy nguy hiểm cần cảnh cáo như trường hợp “Thần học giải phóng” đối với chủ nghĩa Marx và phong trào Cộng Sản.

Dĩ nhiên, ngoài Giáo Hội Công Giáo, có những người Tây phương thiên Phật Giáo, không những chỉ nghiên cứu học hỏi mà còn theo đạo Phật, tu theo Phật như ở Hoa Kỳ. Những người này có thể gốc gác từ các đạo của Ki Tô Giáo, hay từ văn hóa Tây phương bắt nguồn từ Ki Tô Giáo, nhưng không ở trong Giáo Hội Công Giáo; vậy Đức Giáo Hoàng nhân danh bổn phận, quyền hành nào mà răn dạy, cảnh cáo họ như có thể làm với người Công Giáo? Trong trường hợp cuốn sách này, Đức Giáo Hoàng đã nói với tất cả mọi người, thuộc mọi tôn giáo, văn hóa, không phải chỉ với người Tây phương ở ngoài Giáo Hội Công Giáo, mà cả với người Phật Giáo. Và thật đáng tiếc là Đức Giáo Hoàng đã nói không phải lúc, không đúng chỗ. Điều đáng tiếc hơn nữa là Đức Giáo

Hoàng đã đụng đến một giới Phật Giáo đang có mặt ở Tây phương, có những quan hệ thân thiện, chí tình với Giáo Hội Công Giáo, với chính Đức Giáo Hoàng và nhiều đẳng bậc đứng đầu các Giáo Hội Tây phương qua vị lãnh tụ tinh thần của mình là Đức Đạt Lai Lạt Ma. Phật Giáo Tây Tạng được kính phục ở Tây phương và do đó có ảnh hưởng sâu xa, vì có nhiều vị chân tu, đạo hạnh, thông thái, có thái độ khoan dung, hòa đồng cởi mở với các tôn giáo khác, và nhất là vượt khỏi được những lựa chọn tranh đấu chính trị chính đáng xét về mặt đời, nhân loại. Phật Giáo Tây Tạng ở nước ngoài (Ấn Độ, Tây phương) cũng là một cộng đồng lưu vong tị nạn chính trị, nhưng không thấy những phát biểu hận thù về chính trị đối với những người đã đẩy họ vào thân phận lưu vong, như thấy ở nơi các cộng đồng lưu vong tị nạn khác, không những chỉ bày tỏ hận thù với những kẻ dày họ lưu vong, coi họ như kẻ thù không đội trời chung, mà còn bày tỏ hận thù với nhau, giữa những cộng đồng lưu vong khác tôn giáo, chụp cho nhau cái mũ kẻ thù chung.

Tôi nghĩ những người Phật Giáo Tây Tạng chắc hẳn cũng phiền lòng về những lời nói của Đức Giáo Hoàng, nhưng vẫn giữ im lặng, không phản nản gì. Thiết tưởng đó là điều đáng làm cho Đức Giáo Hoàng lưu ý.

Ngoài ra, một thắc mắc lớn được nêu lên là: Tại sao Đức Giáo Hoàng chỉ nói về Phật Giáo với thái độ phê phán, cảnh cáo, đưa ra những điều được hiểu là tiêu cực, trong khi đối với các tôn giáo khác, thực sự đe dọa Công Giáo nói riêng và Ki Tô Giáo nói chung, Đức Giáo Hoàng lại có một thái độ cởi mở, “đại kết” trân trọng nhấn mạnh vào những điểm tích cực hoặc tỏ ra thông cảm, chia sẻ những nỗi thống khổ của những tín đồ thuộc các tôn giáo đó trong lịch sử và hiện nay?

2. QUAN ĐIỂM ÂU CHÂU.

Đức Giáo Hoàng đã đứng ở quan điểm Công Giáo và rộng hơn nữa, quan điểm coi Âu Châu là trung tâm (Eurocentrism), để nhìn thế giới, các tôn giáo ngoài Âu Châu. Về triết học, tôn giáo hay ý thức hệ nói chung, muốn tìm hiểu một cách trung thực hơn cả, thiết tưởng phải đứng bên trong mà nhận diện khởi điểm để tìm ra lai lý nội tại của mỗi hệ thống tư tưởng vì chỉ khi nào lãnh hội được cách đặt vấn đề (problematique) của một hệ thống tư tưởng mới hiểu đúng được những khái niệm, phạm trù luận lý của hệ thống tư tưởng đó.

Như vậy, nếu đứng ở một hệ thống tư tưởng, sử dụng những khái niệm, phạm trù luận lý của hệ thống tư tưởng



đó để hiểu một hệ thống tư tưởng khác bằng cách so sánh, rồi khen chê chắc chắn sẽ bị coi là ngộ nhận, xuyên tạc. Chẳng hạn xử dụng khái niệm Thiên Chúa, đối tượng của khoa Thần Lý Học (*théodicie*), và Thần Học (*théologie*) của Ki Tô Giáo hay khái niệm về cứu rỗi theo Thiên chúa Giáo (*sotérologie*) để hiểu Phật Giáo là lệch lạc về phương pháp luận vì ở khởi điểm và trong cách đặt vấn đề của Phật Giáo, thực thể Thiên Chúa không đặt ra. Vậy làm sao có thể tranh cãi, so sánh khi đạo Phật không đặt vấn đề có hay không?

Cho đến nay, Tây phương vẫn chi phối thế giới về tư tưởng vì vẫn còn là những thế lực kinh tế, tài chính lớn mạnh hơn cả, với những phương tiện truyền thông hiện đại, mang tính chất bá chủ với một đội ngũ đông đảo từ trước thuộc đủ mọi ngành: khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội trong đó có nhà khoa học về tôn giáo, triết học... Nhưng trong tương lai gần, như nhiều người Tây phương tiên đoán, trung tâm kinh tế tài chính thế giới có thể chuyển sang những châu khác, như vùng Đông Nam Á, hy vọng sẽ có nhiều nhà tư tưởng, triết học, tôn giáo học thuộc vùng đó có tiếng nói nếu không lấn át, thì cũng đồng đều với tiếng nói của Tây phương. Ngay trong nội bộ giáo hội Công Giáo cũng có thể xảy ra một chuyển hướng tương tự. Hiện nay số Hồng Y gốc ngoài Âu Châu đông hơn số gốc Tây phương và do chính Đức Giáo Hoàng hiện nay thực hiện. Tuy nhiên, phần nhận về tư tưởng, những Hồng Y gốc Phi Châu, Á Châu chưa có được nhiều chuyên gia về khoa học xã hội, về thần học làm cố vấn như những Hồng Y Tây phương, đặc biệt ở Pháp Đức. Trong các khóa họp Thượng hội đồng (Synode) hay Công đồng (Concile) tiếng nói của phương Tây vẫn trội bật vì các Hồng Y đều có chuyên gia cố vấn nổi tiếng thế giới.

Những hướng đi cởi mở, tiến bộ của cộng đồng Vatican II chủ yếu do các nhà thần học Pháp, Đức, Hòa Lan cố vấn cho các Hồng Y của họ, ngay cả việc bầu Giáo Hoàng Gioan Phaolô II cũng do gợi ý của các nhà Thần học Đức. Vì thế, trong tương lai, rất có thể và đây là điều thực sự có thể, có một Giáo Hoàng gốc Phi Châu, Á Châu khi ở những nơi đó đã có những sinh hoạt tư tưởng tôn giáo, thần học sâu sắc, phong phú, bắt nguồn từ truyền thống văn hóa, tôn giáo của địa phương vùng mình, được các nhà thần học cởi mở tiến bộ Tây phương ủng hộ, vì đạo Công Giáo là phổ biến và gốc rễ của nó không phải từ Tây phương, mà từ Trung Đông, đã được Hy Lạp hóa, La Mã hóa mà thôi. Trong cuốn sách của

Đức Giáo Hoàng, các đạo ở phương Đông ngoài Phật Giáo, như Ấn Độ Giáo, Nho Giáo, đạo thờ tổ tiên đã chỉ được nhắc đến bằng vài dòng. Điều này không những gây bất mãn nơi người theo các đạo kể trên mà cả nơi trí thức Công Giáo sống ở vùng này.

3. BIỆN GIÁO HAY ĐẠI KẾT?

Phân phát biểu về Phật Giáo trong cuốn sách của Đức Giáo Hoàng làm cho người đọc nghĩ đến một thời gian lâu dài, một truyền thống trong Giáo Hội Công Giáo mà ngày nay, nhất là sau cộng đồng Vatican II, truyền thống đó càng ngày càng đi vào dĩ vãng. Đó là lối lý luận biện giáo trong sinh hoạt tư tưởng triết học, thần học khi nói lên các trào lưu tôn giáo ngoài Công Giáo. Theo tinh thần biện giáo, người ta chú ý đến những điểm khác biệt, chống đối nhau, coi những điểm khác biệt chống đối đó là không thể giản lược được và riêng đối với Công Giáo, những điểm Công Giáo khác biệt so với các tôn giáo khác mang tính chất tín lý, giáo điều. Vì thế, người Công Giáo tin đạo chỉ có thái độ tin hay không tin những tín điều đó. Đối với những điểm khác biệt của các tôn giáo khác, tinh thần biện giáo coi là thiếu sót, sai lầm, nên một người ngoài Công Giáo muốn tin theo đạo công Giáo cũng chỉ có thái độ là từ bỏ những điểm sai lầm đạo mình đã theo và trở lại đạo Công Giáo.

Sau Công đồng Vatican II, ở Rome, đã thành lập những văn phòng hiệp nhất, văn phòng liên lạc với các tôn giáo ngoài Ki Tô Giáo, văn phòng liên lạc với những người không tin ("vô thần") nhằm chấm dứt tình trạng chia rẽ giữa các tôn giáo Công Giáo, Tin Lành, Chính Thống, thuộc Ki Tô Giáo nhằm đối thoại với các tôn giáo ngoài Ki Tô Giáo, kể cả những người vô thần. Đối thoại trước hết là nhìn nhận sự khác biệt và tôn trọng sự khác biệt, không tố cáo, kết án người khác là sai lầm, trái lại nhìn nhận những lỗi lầm về phần mình đã gây ra sự chia rẽ, khác biệt. Đi xa hơn nữa, Đối Thoại nhằm nêu lên những điểm tích cực, những điểm mà các tôn giáo, có thể gặp nhau mặc dầu được diễn tả dưới những hình thức khác nhau tùy thuộc vào những nền văn hóa khác nhau. Sau cùng, cố gắng tìm ra một căn bản cơ sở chung để bày tỏ tình liên đới, tinh thần trách nhiệm của xã hội loài người: hòa bình, công bằng xã hội, bình đẳng giữa các dân tộc v.v.. bằng những hành động cộng tác cụ thể. Tinh thần "đối thoại" kể trên phù hợp với truyền thống Á Đông gọi là "hòa đồng," tránh né sự phân tách, để phân biệt phải trái, tránh né tranh luận, đấu lý để xác định thắng thua, và tìm nêu ra những điểm đồng tình.

Tinh thần này dẫn đến “Tam giáo đồng nguyên.” Bài “*But trong ta, Chúa trong ta*” đăng trong tạp chí *Thế Kỷ 21* (tháng 11-95) của Thầy Nhất Hạnh, trích dịch bài Thầy phát biểu ở một hội nghị tại San Francisco hồi đầu tháng 10-95 thể hiện tinh thần kể trên.¹

Đức Giáo Hoàng Gioan Phao Lô II đã đi đây đi đó, gặp gỡ đại diện các tôn giáo khác, đã từng tuyên bố nhiều lần và làm nhiều việc theo tinh thần hòa đồng, đại kết, đặc biệt tuân lễ cầu nguyện ở Assise, và riêng đối với VN, đã có những gặp gỡ với các tôn giáo, trong đó có Phật Giáo ở Rome, hình thức tổ chức bị dị nghị và mang tính chất chính trị không thể chấp nhận được, có thể ngoài ý muốn của Đức Giáo Hoàng, nhưng những phát biểu của Đức Giáo Hoàng theo tinh thần đại kết chắc chắn là chân thành và rất đáng được chấp nhận. Vậy tại sao lại có những phát biểu về Phật Giáo trong cuốn sách đi thụt lui, hay đi ngược lại tinh thần mà chính Đức Giáo Hoàng đã chủ trương, thể hiện ở những nơi, lúc khác?

4. NHỮNG ÁP LỰC CHÍNH TRỊ KINH TẾ VÔ THỨC?

Tại sao khi nói tới các tôn giáo khác, nhất là Hồi Giáo, Do Thái Giáo thì Đức Giáo Hoàng có thái độ không phê phán, và chỉ nhấn mạnh vào những điểm tích cực của hai đạo đó, theo tinh thần đại kết, trong khi lại nói những điểm gọi là tiêu cực của Phật Giáo và cảnh giác đối với Phật Giáo trong viễn tượng có thể thay thế Ki Tô Giáo. Ở Âu Châu, đặc biệt ở Hoa Kỳ, có phong trào theo Phật Giáo, nhưng có đe dọa Công Giáo không, hoặc nếu có đến mức độ nào bằng cách nào? Ở Tây phương, có phổ biến Phật học, có người theo Phật Giáo, có Chùa, Tu Viện Phật Giáo nhưng về căn bản vẫn như cách đây muôn năm thế kỷ, đạo Phật truyền vào Trung Hoa mà ông Erik Zurker, nhà sử nổi tiếng chuyên về lịch sử Phật Giáo Trung Hoa, đã nói đến trong cuốn “*Phật Giáo, Ki Tô Giáo và Xã Hội Trung Hoa*” (xem bài tôi giới thiệu

trong số này), không có tổ chức chặt chẽ, không dựa trên thế lực chính trị, tài chính nào.... chỉ âm thầm vào lòng người mà thôi. Trái lại những đạo đe dọa và một cách nghiêm trọng không phải chỉ đạo Công Giáo, giáo hội Công Giáo mà là các tôn giáo khác của Ki Tô Giáo (Tin Lành) và sau cùng văn hóa xã hội Tây phương, là đạo Hồi, và đạo Do Thái. Phải mất hai thế kỷ, Tây phương mới đưa tôn giáo ra khỏi chính trị, lãnh vực công, nhà nước. Tuy vẫn còn đông người theo đạo, tự do giữ đạo, những người theo đạo, giáo hội không còn chi phối khổng chế khu vực công, nhà nước. Bây giờ Tây phương đang đứng trước đe dọa của Hồi Giáo, Do Thái Giáo chủ trương một quan niệm thần trị (*theocracy*) vốn coi tôn giáo như nền tảng, và phương hướng chỉ đạo mọi sinh hoạt của cộng đồng- quan niệm này không phải chỉ được áp dụng, đôi chỗ triệt để ở các nước theo Hồi Giáo, Do Thái Giáo mà ngay cả ở Tây phương, nơi càng ngày càng có nhiều di dân theo Hồi Giáo, Do Thái Giáo. Giáo chủ Iran ra lệnh giết một nhà văn đã xúc phạm đến kinh Koran bất cứ ở đâu trên thế giới, bất chấp luật pháp của các nước khác, luật pháp quốc tế. Ở Pháp, những nhà nghiên cứu, giáo sư đại học nào dám chỉ trích Hồi Giáo là không tôn trọng dân chủ thì họ có thể bị trừ dập, gạt ra khỏi các đại học, hội nghị quốc tế vì áp lực của các nước Hồi Giáo. Tờ *Le Figaro* tường thuật một vụ kiện rất đáng lưu ý: Giám mục Eyt, bây giờ là Hồng Y ở Bordeaux, diễn giảng đề tài, “Ai giết Đức Giê-Su?” đã xóa tội người Do Thái và đổ tội cho người La Mã. Thật quá dễ, bây giờ làm gì còn người La Mã như một quốc gia, nhưng người Do Thái bây giờ lại trở thành một quốc gia và nhất là những nhóm tài phiệt Do Thái ở Âu Châu, Mỹ. Ông Junin, giáo sư các trường Công Giáo, bày tỏ thái độ không đồng ý trên báo chí, lưu ý chỉ nên nhìn vấn đề bằng cách dựa vào phúc âm, trên bình diện thuần túy tôn giáo, tuyệt đối không dựa vào những lý do chính trị, chủng tộc. Một tổ chức Do Thái kiện ông Junin ra tòa, ông không bị truy tố nhưng chỉ nguyên việc ông bị kiện chứng tỏ áp lực của Do Thái đến thế nào. Ông tuyên

1 Bên phía Công Giáo, không thiếu những người có tinh thần như Thầy Nhất Hạnh. Ở đây chỉ xin kể một linh mục ở Montreal, Canada, một trong những người đầu tiên điều hành trung tâm Monchanin, nay đổi thành Viện Giao Hữu Văn Hóa ở Montreal. Trung tâm này theo sát tinh thần của Linh Mục Monchanin, người đã đi vào những con đường chiêm niệm Ấn Độ Giáo. Linh Mục Robert Vachon hiện nay cũng hành thiện. Khi trao đổi với tôi về vấn đề này, linh mục có đưa cho tôi bài *How Liberal and Radical Can a Catholic Priest Be? A Talk Given at a Panel on Buddhism and Christianity. Is there a Future for Dialogue? at the Zen Buddhist Society, Toronto, Canada (1990)*. Trong bài có đoạn: “My personal sincere confession: I consider myself to be a Buddhist, Atheistic, Pagan, Catholic, Christian priest. And I would hope to be acknowledged as such.... I see the whole world as a Christophany....”



bổ, “Tôi dù chỉ trích dẫn những chân lý ghi trong phúc âm trên giấy trắng mực đen, những chân lý đã được rao giảng, truyền tụng từ nhiều thế kỷ trong nhà thờ, sách giáo lý trên toàn thế giới. Nhưng những”chân lý“ đó ngày nay bị bác bỏ, do ngay cả những vị lãnh đạo Giáo Hội, vì những lý do hiển nhiên chỉ có tính cách chính trị hơn là tôn giáo.” (1-12-1993)

Như vậy, phải chăng sớ dĩ các chức sắc cao cấp trong Giáo Hội Công Giáo, kể cả Đức Giáo Hoàng tránh né phê phán tố cáo những vi phạm nhân quyền, thể chế dân chủ, độc tôn về tôn giáo của Hồi Giáo và Do Thái Giáo, mặc dầu hai đạo này trực tiếp đe dọa Tây phương, là vì đằng sau hai đạo là những thế lực dựa trên dầu lửa, đồng đô la của các nước Á-Rập và các nhóm kinh tài Do Thái Giáo giàu có chi phối về tài chánh, chính trị Tây phương? Người Phật Giáo ở Đông Nam Á (Tích Lan) ở VN, cảm thấy đạo của mình bị xúc phạm, không được người ta kiêng nể, phải chăng vì không có những quốc gia nào theo Phật Giáo là nước giàu mạnh phát triển về kinh tế, hoặc vì không có những thế lực kinh tế tài chánh tương tự như của Do Thái ở trong các nước phương Tây?

Thực ra nếu nhìn vào hiện tại và tương lai, thật đáng ngại cho cả Thiên Chúa Giáo và Phật Giáo chưa chắc đã bước qua được ngưỡng của hy vọng vì mỗi đe dọa Công Giáo không phải là Phật Giáo hay Hồi Giáo, Do Thái Giáo, và mỗi đe dọa Phật Giáo cũng không phải là từ Thiên Chúa Giáo, mà là những giáo phái xuất phát từ chính Thiên Chúa Giáo hay Phật Giáo. Ở Mỹ, Ca Na Đa, Pháp, Thụy Sĩ, người ta thấy những biểu hiện rất đáng lo ngại của các giáo phái chủ trương tự sát tập thể hoặc tự ý hoặc miễn cưỡng. Ở Nhật, Phật Giáo đã đẻ ra hàng nghìn giáo phái, đặc biệt giáo phái *Aoum*.

Ở Việt Nam, hiện nay có một xu hướng càng ngày càng rõ, ngay trong hàng ngũ cán bộ, đảng viên quay trở lại các hình thức tôn giáo dân gian mà tin dị đoan. Cúng bái đã công khai đi vào các cơ quan, cơ xá sinh viên. Nỗi lo ngại về oan hồn quá nhiều, người đã chết ở cả hai bên tạo ra “nỗi buồn chiến tranh,” nếu không đi tìm xác người mất tích, cúng bái, thì chết không được siêu thoát, và sống không làm ăn yên ổn. Những giáo phái xuất hiện, chẳng hạn giáo phái “ông nọ bà kia” ở khu làng dệt Bảy Hiền Tân Bình. Đó là đạo “quốc vương của ngài Ngọc Hoàng Thượng Đế.” Theo lời Ngài phán ai dốc lòng theo đạo sẽ được tấn phong là dòng dõi hoàng tộc, đàn

ông được lấy chín vợ, đàn bà có nhiều chồng. Đạo mới này đã lôi cuốn được nhiều người thuộc đủ thành phần nhà giáo, cán bộ, công an nghỉ việc, người lao động nghèo khổ, bỏ gia đình vợ con đi theo Hoàng Huỳnh. Báo *Công An Thành Phố Hồ Chí Minh* (9/95) đăng tin về đạo này đã kết luận “hãy lấy vụ giáo phái *Aoum* ở Nhật Bản làm bài học, đừng để đến lúc quá muộn màng.”

Ở Hoa Kỳ, có “Ngài Thanh Hải Vô Thượng Sư” thu hút được nhiều tín đồ, kể cả trí thức, bác sĩ bỏ gia đình, nghề nghiệp đi theo Ngài. Không phải Ngài chỉ thuyết giảng trong cộng đồng người Việt, mà khắp Bắc Mỹ, Âu Châu nhiều nước Á Châu khác. Các băng video cho thấy Ngài nói tiếng Anh hoạt bát, nhưng ngay cả tiếng Pháp nói không thạo vẫn có hàng trăm người Bỉ nghe Ngài giảng chăm chú. Theo các tài liệu, quảng cáo nói về Ngài, Ngài rất giàu, tặng tiền cứu trợ nhiều nơi trên thế giới. Ngài và các đệ tử tặng nạn nhân núi lửa Pinatubo Phi Luật tân hai triệu Mỹ kim, tặng nhiều tiểu bang ở Hoa Kỳ tiền cứu trợ hàng trăm ngàn Mỹ kim, và định tặng chính phủ Mỹ một triệu Mỹ kim để nghiên cứu chống bệnh AIDS, được thị trưởng Honolulu trao tặng bằng Tuyên Dương Hòa Bình Thế Giới và Công Dân Danh Dự Hoa Kỳ, đúc tượng bằng đồng để dân chúng chiêm ngưỡng vì tinh thần từ bi hỷ xả của Ngài đối với hòa bình thế giới. Công giáo, Phật giáo ở Hoa Kỳ xúm nhau đồng tình đả kích Ngài Thanh Hải Vô Thượng Sư! Hiện nay Ngài chưa được về nước, chỉ có băng video, cassette về thôi; muốn coi nghe lén phải hẹn nhau ở một địa điểm nào đó. Nếu ngày nào Ngài được về thì sao? Và có thể có nhiều Ngài Thanh Hải khác? Liệu Công Giáo, Phật Giáo có ngăn cản được không? Nhưng còn một đe dọa khác âm thầm nhưng nguy hiểm hơn nữa là nền kinh tế thị trường và xã hội tiêu thụ nhằm thỏa mãn các nhu cầu vật chất, tinh thần của con người, nên nhu cầu tôn giáo đưa đến một tâm trạng lãnh đạm, lạnh nhạt, thờ ơ đối với mọi tôn giáo- nói cách khác, giết chết tôn giáo, tín ngưỡng ngay trong lòng người. Hiện tượng bỏ đạo, mất đạo ở Tây phương, một phần do hậu quả của xã hội tiêu thụ. Các nước có truyền thống tôn giáo khác như Nho, Phật ở VN, liệu có chống lại được những cám dỗ của kinh tế thị trường và xã hội tiêu thụ không?